**PHIẾU HỎI DOANH NGHIỆP**

*Khảo sát thông tin về môi trường chính sách vĩ mô, môi trường kinh doanh, đánh giá những rào cản đối với các doanh nghiệp lớn trong giai đoạn 10 năm 2007-2016 và các kiến nghị chính sách để đưa vào “Sách trắng Kinh tế Việt Nam 2016” với chủ đề: Các rào cản đối với Doanh nghiệp lớn Việt Nam trong thập kỷ qua nhân sự kiện 10 năm công bố BXH VNR500.*

Vietnam Report cam kết phiếu hỏi chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu, không công bố những thông tin doanh nghiệp cung cấp theo đúng quy chế bảo mật thông tin.

Kính mong Quý Doanh nghiệp điền đầy đủ thông tin và gửi về cho Vietnam Report cùng với Mẫu kiểm chứng thông tin Bảng xếp hạng VNR500 năm 2016 trước **17h ngày 23/11/2016.**

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Doanh nghiệp!

**THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên doanh nghiệp: …………………………………………………………………………………………………………………………..
2. Địa chỉ của doanh nghiệp: ………………………………………………………………………………………………………………..
3. Số điện thoại: …………………………………………………………………………………………………………………………………..
4. Số fax: ……………………………………………………………………………………………………………………………………………..
5. Địa chỉ e-mail: …………………………………………………………………………………………………………………………………

**THÔNG TIN NGƯỜI NHẬN BÁO CÁO**

1. Họ tên: ……………………………………Điện thoại: …………………………………E-mail: ……………………………………….
2. Địa chỉ nhận báo cáo:………………………………………………………………………………………………………………………..
3. **TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP**
4. **Quý Doanh nghiệp thuộc loại hình nào?** (Đánh dấu ✓chọn một trong các loại hình sau)

□ Doanh nghiệp tư nhân

□ Doanh nghiệp nhà nước

□ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (phần trăm vốn đầu tư nước ngoài: …………………….%)

1. **Quý Doanh nghiệp chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nào?**

□ Công nghiệp/ Chế tạo

□ Xây dựng

□ Dịch vụ/ Thương mại (Ngân hàng, bảo hiểm, bất động sản, vận tải và logistics …)

□ Nông nghiệp/ Lâm nghiệp/ Thủy sản

□ Khai khoáng

□ Công nghệ/ Nghiên cứu và phát triển (Dược phẩm, Viễn thông, Hóa sinh,…)

□ Khác (Vui lòng nêu rõ:……………………………………………………………………………..)

1. **Đánh giá của Quý DN về tình hình SXKD của DN trong 10 tháng đầu năm 2016 so với cùng kỳ năm 2015**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tăng lên** | **Cơ bản ổn định** | **Giảm đi** |
| Doanh thu | □ | □ | □ |
| Lợi nhuận sau thuế | □ | □ | □ |
| Hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị | □ | □ | □ |
| Số lượng công nhân viên | □ | □ | □ |
| Năng suất lao động bình quân của CNV | □ | □ | □ |
| Lượng đơn đặt hàng | □ | □ | □ |
| **Tổng thể tình hình sản xuất kinh doanh** | □ | □ | □ |

1. **Dự báo của Quý DN về tình hình SXKD của DN trong Quý I năm 2017 so với cùng kỳ năm 2016**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tăng lên** | **Cơ bản ổn định** | **Giảm đi** |
| Doanh thu | □ | □ | □ |
| Lợi nhuận sau thuế | □ | □ | □ |
| Hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị | □ | □ | □ |
| Số lượng công nhân viên | □ | □ | □ |
| Năng suất lao động bình quân của CNV | □ | □ | □ |
| Lượng đơn đặt hàng | □ | □ | □ |
| **Tổng thể tình hình sản xuất kinh doanh** | □ | □ | □ |

1. **RÀO CẢN ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP LỚN**
2. **RÀO CẢN BÊN TRONG**
3. **Theo Quý DN đánh giá thì đâu là thách thức chính mà doanh nghiệp phải đối mặt để thu hút/giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao trong 3 năm qua?** (Vuilòng đánh dấu ✓ đối với **một** lựa chọn đối với mỗi cột)

|  |  |
| --- | --- |
| **Thách thức trong thu hút nhân lực**□ Yêu cầu của lao động về lương và phúc lợi đi kèm quá cao □ Không đủ cơ hội phát triển sự nghiệp tại doanh nghiệp□ Nhận diện thương hiệu doanh nghiệp chưa đủ mạnh để thu hút nhân tài□ Thiếu những chương trình đào tạo/huấn luyện chất lượng cao□ Văn hóa công ty chưa đủ hấp dẫn | **Thách thức trong giữ chân nhân lực**□ Yêu cầu của lao động về lương và phúc lợi đi kèm cao, doanh nghiệp không thể đáp ứng□ Nhân viên thường bị thu nạp bởi đối thủ cạnh tranh□ Nhân viên không nhìn thấy được tiềm năng phát triển sự nghiệp□ Chất lượng cuộc sống không được đảm bảo (Chi phí sinh hoạt, thuế, giáo dục, ô nhiễm…)□ Chất lượng lao động vẫn còn yếu kém□ Nhân viên chuyển sang làm ngành khác□ Nhân viên đi du học□ Nhân viên tự đứng ra khởi nghiệp |

1. **Quý DN hiện đang lựa chọn hình thức chuyển giao công nghệ nào trong số các kênh sau đây?**

□ Mua công nghệ đã được thể hiện bằng hàng hóa

□ Mua công nghệ từ các tổ chức nghiên cứu hoặc công ty khác

□ Sử dụng công nghệ do các công ty khác trong cùng tập đoàn, tổng công ty cung cấp

□ Sử dụng công nghệ do các công ty ngoài tập đoàn, tổng công ty cung cấp

□ Kỹ năng và kinh nghiệm của người lao động mới

1. **Quý DN hiện có quan tâm và đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) cho doanh nghiệp hay không?**

□ Có ⇒ Vui lòng trả lời câu 8

□ Không ⇒ Vui lòng chuyển đến câu 9

1. **Hoạt động R&D của Quý DN được thực hiện nhằm mục đích gì?**

□ Nhằm mục đích nội bộ doanh nghiệp

□ Nhằm mục đích hướng tới sự đổi mới chung, có tầm ảnh hưởng đến không chỉ doanh nghiệp mà còn cả bên ngoài doanh nghiệp, không hướng tới sản phẩm cụ thể nào

□ Hướng đến một công nghệ mới hay một sản phẩm mới chỉ với doanh nghiệp

□ Hướng đến một công nghệ mới hay một sản phẩm mới đối với thị trường trong nước

□ Hướng đến một công nghệ mới hay một sản phẩm mới đối với thị trường thế giới

1. **Quý DN hiện có thực hiện các hoạt động cải tiến công nghệ, máy móc, thiết bị sản xuất hay không?**

□ Có

□ Không

1. **Trở ngại, rào cản đối với doanh nghiệp khi thực hiện các hoạt động đổi mới, cải tiến công nghệ là gì?** (đánh số theo thang điểm 5 với 1 là ít quan trọng, ít ảnh hưởng đến quyết định đổi mới công nghệ và 5 là rất quan trọng)

□ Sự yếu kém của cơ sở hạ tầng cơ bản

□ Giao thông vận tải

□ Hạn chế về tài chính

□ Số lượng lao động

□ Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm của người lao động

1. **Hiện Quý DN có khoản vay từ các ngân hàng không?**

□ Có ⇒ Vui lòng trả lời câu 12

□ Không ⇒ Vui lòng chuyển đến câu 13

1. **Quý DN đánh giá như thế nào về tình hình vay vốn ngân hàng trong 3 năm qua?** ( Vui lòng đánh dấu ✓ đối với **một** lựa chọn đối với mỗi dòng)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các nhận định** | **Hoàn toàn đồng ý** | **Đồng ý** | **Không đồng ý** | **Hoàn toàn không đồng ý** |
| Ngân hàng thương mại áp đặt các điều kiện tín dụng chưa thuận lợi cho doanh nghiệp (điều chỉnh lãi suất, điều kiện cho vay…) |  |  |  |  |
| Doanh nghiệp không thể vay vốn nếu không có tài sản thế chấp |  |  |  |  |
| Lãi suất và các điều kiện cho vay đối với doanh nghiệp tư nhân luôn khó khăn hơn so với DNNN |  |  |  |  |
| Việc bồi dưỡng cho cán bộ ngân hàng đề vay được vốn là phổ biến |  |  |  |  |
| Thủ tục vay vốn rất phiền hà |  |  |  |  |

1. **Ngoài hình thức vay vốn ngân hàng, Quý DN còn lựa chọn hình thức huy động vốn nào sau đây?**

□ Chuyển đổi mô hình kinh doanh để tiếp cận vốn thông qua quyền phát hành cổ phiếu từ thị trường chứng khoán (Chuyển từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần)

□ Phát hành trái phiếu công ty

□ Vay các quỹ đầu tư

□ Huy động vốn từ khách hàng

□ Liên doanh –liên kết trong và ngoài nước (Hình thức liên doanh, liên kết bao gồm việc thành lập Công ty Cổ phần, Công ty TNHH)

□ Huy động vốn từ khách hàng

1. **Nhìn chung trong giai đoạn 2014 – 2016, khả năng tiếp cận vốn của Quý DN là:**

□ Dễ dàng

□ Bình thường

□ Khó khăn

1. **Trong giai đoạn 2014 – 2016, theo Quý DN, những giao dịch liên quan đến đất đai, mặt bằng kinh doanh trong tỉnh/thành phố, doanh nghiệp có gặp khó khăn trong việc tiếp cận hoặc mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh không?**

□ Có ⇒ Vui lòng trả lời câu 16

□ Không ⇒ Vui lòng chuyển đến câu 17

□ Không biết ⇒ Vui lòng chuyển đến câu 17

1. **Nếu Có, khó khăn lớn nhất về mặt bằng kinh doanh đối với doanh nghiệp hiện nay là gì?**

(Vui lòng chọn một hoặc nhiều nhận định phù hợp dưới đây)

□ Quy hoạch đất đai của tỉnh chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của doanh nghiệp

□ Thiếu quỹ đất sạch

□ Giải phóng mặt bằng chậm

□ Thủ tục hành chính thuê, mua đất đai phức tạp

□ Giá đất theo quy định của Nhà nước cao

□ Giá đất theo quy định của Nhà nước tăng quá nhanh

□ Giá thuê mặt bằng kinh doanh trên thị trường cao

□Khác (Vui lòng ghi rõ)…………………………………………………………………………………………………..

1. **RÀO CẢN BÊN NGOÀI**
2. **Quý DN nhận định thế nào về các yếu tố sau trong việc tác động đến hoạt động SXKD của Quý DN hiện nay so với thời điểm 3 năm trước đây** (Vui lòng đánh dấu ✓ đối với **một** lựa chọn đối với mỗi dòng)

|  | **Tốt lên** | **Không đổi** | **Kém đi** | **Không rõ** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. Chất lượng của các quy định pháp lý, chính sách, thủ tục hành chính liên quan tới ngành công nghiệp của Quý DN.
 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 |
| 1. Thái độ, ý thức trách nhiệm, và năng lực của các cán bộ công quyền trong việc thực hiện các quy định pháp lý, chính sách và thủ tục hành chính
 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 |
| 1. Hiệu lực thực thi và áp dụng các quy định pháp lý, chính sách và thủ tục hành chính trên thực tế
 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 |
| 1. Sự ổn định của điều kiện kinh tế vĩ mô, chính sách tái cơ cấu kinh tế và doanh nghiệp nhà nước của chính phủ (tỷ giá, lạm phát, lãi suất tín dụng)
 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 |
| 1. **Tổng thể môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô**
 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 |

1. **Hội nhập được biết đến mang nhiều cơ hội mở rộng thị trường đồng thời cũng đem đến nhiều thách thức từ môi trường cạnh tranh toàn cầu. Đối với các hiệp định sau đây, vui lòng đánh giá mức độ ảnh hưởng tới Quý DN trong thời gian tới?** ( Vui lòng đánh dấu ✓ đối với **một** lựa chọn đối với mỗi dòng)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Ảnh hưởng tích cực** | **Ảnh hưởng tiêu cực** | **Ảnh hưởng tích cực và tiêu cực** | **Không ảnh hưởng** | **Không rõ** |
| Cộng đồng kinh tế ASEAN - AEC |  |  |  |  |  |
| Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc |  |  |  |  |  |
| Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU |  |  |  |  |  |
| Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam và Liên minh Hải quan |  |  |  |  |  |
| Hiệp định Xuyên Thái Bình Dương – TPP |  |  |  |  |  |

1. **Quý DN cho rằng hiện mình có thế mạnh hay bất lợi gì đáng kể để bước vào cạnh tranh với các đối thủ trên thị trường quốc tế khi các Hiệp định tự do Thương mại trở nên có hiệu lực?** ( Vui lòng đánh dấu ✓ đối với **một** lựa chọn đối với mỗi dòng)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Rất yếu** | **Yếu** | **Bình thường** | **Tương đối mạnh** | **Rất mạnh** |
| Chất lượng sản phẩm/ Dịch vụ |  |  |  |  |  |
| Giá thành sản phẩm/ Dịch vụ |  |  |  |  |  |
| Vốn đầu tư sẵn có |  |  |  |  |  |
| Khả năng huy động vốn bên ngoài |  |  |  |  |  |
| Nhân sự có chuyên môn |  |  |  |  |  |
| Kỹ năng quản trị |  |  |  |  |  |
| Hoạt động marketing |  |  |  |  |  |
| Mua sắm công |  |  |  |  |  |
| Khả năng liên kết, liên doanh, phối hợp với các đối tác khác |  |  |  |  |  |
| Nguồn cung ổn định |  |  |  |  |  |
| Thị trường đầu ra ổn định |  |  |  |  |  |
| Cập nhật thông tin thị trường và xu hướng tiêu dùng liên quan |  |  |  |  |  |

1. **Trong vòng 3 năm qua, Quý DN có thực hiện giao dịch mua bán sáp nhập (M&A) hoặc liên doanh (joint venture-JV) nào không?**

□ Không

□ Cũng có tìm kiếm, thăm dò nhưng chưa thực hiện

□ Đã thực hiện hoặc đang trên tiến trình đàm phán sáp nhập, liên doanh

1. **Trong vòng 3 năm qua, theo Quý DN đánh giá thì rào cản lớn nhất để theo đuổi các hình thức mua bán sáp nhập hoặc liên doanh là gì?**

□ Gặp khó khăn trong việc thu thập các nguồn thông tin đáng tin cậy về các đối tượng mục tiêu mua bán sáp nhập/liên doanh

□ Thiếu đi các đối tượng mục tiêu mua bán sáp nhập/liên doanh hấp dẫn

□ Nhận thấy những rủi ro tiền sáp nhập/liên doanh

□ Gặp khó khăn trong việc đáp ứng các chính sách, quy định liên quan đến mua bán sáp nhập/liên doanh

□ Cạnh tranh gay gắt trên thị trường đối với các mục tiêu sáp nhập/liên doanh hấp dẫn, có giá trị cao

1. **CHIẾN LƯỢC DÀI HẠN CỦA DOANH NGHIỆP**
2. **Trong 2 năm tới, nhận định nào dưới đây phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Quý DN?**

□ Có kế hoạch tăng quy mô kinh doanh

□ Nhiều khả năng có kế hoạch tăng quy mô kinh doanh

□ Sẽ tiếp tục kinh doanh với quy mô hiện tại

□ Nhiều khả năng có kế hoạch giảm quy mô kinh doanh

□ Có kế hoạch giảm quy mô kinh doanh

1. **Quý DN ước đoán số phần trăm DN của mình sẽ tăng đầu tư cho hoạt động kinh doanh tại Việt Nam trong giai đoạn 2017-2018 ?**

□ >50%

□ 21-50%

□ 11-20%

□ 1-10%

□ Không có ý định tăng cường đầu tư trong 2 năm tới

1. **Trong vòng 5 năm tới, Quý DN có ý định đầu tư ra nước ngoài không?**

□ Có

□ Không

1. **Nếu có ý định đầu tư ra nước ngoài, khu vực nào sẽ là khu vực Quý DN lựa chọn để đầu tư?**

□ US/NAFTA (3 nước Bắc Mỹ: Canada, Mỹ, Mexico)

□ Châu Âu

□ Châu Phi và Trung Đông

□ Các nước Châu Á đang phát triển (Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia, Malaysia,..)

□ Các nước Châu Á đã phát triển (Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc…)

1. **Quý DN đánh giá như thế nào về ảnh hưởng của giải pháp Chính phủ tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp thông qua Nghị quyết 35 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung các luật về đầu tư kinh doanh đối với DN trong thời gian tới?**
2. **ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Ảnh hưởng tích cực** | **Ảnh hưởng tiêu cực** | **Ảnh hưởng tích cực và tiêu cực** | **Không ảnh hưởng** | **Không rõ** |
| 1. Nghị quyết 35 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020
 | □ | □ | □ | □ | □ |
| 1. Luật Sửa đổi, bổ sung các luật về đầu tư kinh doanh
 | □ | □ | □ | □ | □ |

1. **Theo Quý DN, những vấn đề chính sách nào dưới đây cần thực hiện trong thời gian tới để hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động SXKD của DN trong thời kỳ hội nhập mới (Quý DN vui lòng đánh số theo thứ tự ưu tiên, từ 1, 2, 3...)**

□ Tăng cường các biện pháp hỗ trợ DN tìm kiếm thị trường đầu ra

□ Giảm lãi suất tín dụng

□ Tiếp tục điều chỉnh giảm thuế suất TNDN

□ Cải thiện môi trường pháp lý

□ Hỗ trợ có hiệu quả các sản phẩm chủ lực, các sản phẩm mới của ngành

□ Hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư để tạo điều kiện thuận lợi phát triển doanh nghiệp tư nhân, DNVVN

□ Tiếp tục tái cơ cấu các ngân hàng yếu kém

□ Đẩy mạnh tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước

□ Cải thiện cơ sở hạ tầng

□ Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính

□ Khác (Vui lòng ghi rõ):………………………………………………………………………………………………………………….

1. **Theo Quý DN, các giải pháp Chính phủ cần ưu tiên để nâng cao khả năng cạnh tranh của DN sau các Hiệp định tự do thương mại để hội nhập với thị trường thế giới?** (Có thể chọn nhiều đáp án)

 □ Đảm bảo ổn định vĩ mô

 □ Cải thiện cơ sở hạ tầng, giao thông vân tải

 □ Nâng cao tính hiệu lực và minh bạch của các quy định, chính sách

 □ Đơn giản hóa và giảm gánh nặng của các thủ tục hành chính vào các DN

 □ Tăng cường hỗ trợ thông qua các gói hỗ trợ tín dụng, ưu đãi đầu tư và ưu đãi thuế

*Doanh nghiệp có thể điền vào mẫu phiếu hỏi online tại địa chỉ sau*: <http://vnr500.com.vn/>

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Doanh nghiệp!